TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HS- ST
Ngày 04 - 7- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Ửng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Tạ

2. Ông Nguyễn Xuân Thùy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐăkRlấp, tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm Sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST – HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị P (tên tự xưng: Lê Minh V, Nguyễn Khánh L, Th, Q), sinh năm 1991 tại tỉnh Đắk Lắk; trú tại: Thôn 06, xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn G, sinh năm 1984 (không đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 2015. Bị bắt tạm giam ngày 03/7/2016 đến ngày 12/7/2016 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 01/8/2017 bị bắt theo quyết định truy nã - *Có mặt*.

2. Người bị hại:

2.1. Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1984; trú tại thôn 07, xã C, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – *Có mặt*

2.2. Anh Bùi Thanh S, sinh năm 1989; trú tại thôn X, xã M, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2.3. Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm 1984 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt*.

Địa chỉ: 100 V, xã A, huyện T, tỉnh B.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1982 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: 04 đường P, phường E, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Anh Phạm Văn M, sinh năm 1978 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: 575 N, phường H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/6/2016, Nguyễn Thị P đến thị trấn K, huyện Đ để tìm người quen nhưng không gặp nên ghé vào tiệm Spa Mỹ Hảo thuộc TDP2, thị trấn K, huyện Đ. Tại đây, P gặp chị Trần Thị Kim H (SN: 1984, trú tại: thôn 7, xã N, huyện Đ) đang làm tóc tại tiệm. Quá trình nói chuyện với nhau, P biết chị H đang muốn xin vào làm việc tại các cơ quan nhà nước nên P nảy sinh ý định lừa chị H lấy tiền. P tự giới thiệu với chị H tên là V, hiện đang là giáo viên tại Trường P, huyện Đ là cháu ruột của ông Lê Văn Q – Phó giám đốc Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đắk Nông và nếu chị H có nhu cầu xin việc thì Phấn sẽ nói chú Q xin cho. Sau đó, P lấy điện thoại di động ra giả vờ gọi cho ông Q để nói chuyện xin việc cho chị H. Thực tế thì P không có số điện thoại và cũng không mối quan hệ gì với ông Lê Văn Q. Vì tin những lời P nói là thật nên chị H đã nhờ P liên hệ với ông Q xin việc cho mình. P đồng ý và yêu cầu chị H đưa trước cho P số tiền 25.000.000 đồng để P nhờ ông Q xin việc cho H. Sau đó, chị H lấy xe mô tô của mình chở P về nhà mình tại thôn 7, xã N rồi lấy 25.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc đưa cho P. Khi nhận tiền, P lấy tên V để viết giấy nhận tiền với nội dung là nhận của chị H số tiền 25.000.000 đồng để xin việc. Đến ngày 13/6/2016, P yêu cầu chị H đưa tiếp cho P số tiền 40.000.000 đồng thì chị H đồng ý và hẹn gặp cà phê Góc Phố ở TDP1, phường N, thị xã G. Tại đây, chị H giao cho P số tiền 40.000.000 đồng và P cũng viết giấy nhận tiền. Nhận tiền xong, P gợi ý chị H mua điện thoại di động để làm quà tặng ông Q nên chị H và P đến cửa hàng Thế giới di động tại thị xã G mua 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus với giá 20.590.000 đồng rồi đưa cho P. P giữ điện thoại này sử dụng luôn. Để cho chị H tin tưởng hơn, P mua một sim điện thoại, đăng ký tài khoản mạng Zalo lấy tên là Lê Q và lấy ảnh của ông Q làm hình đại diện, sau đó P cho H số điện thoại này và nói rằng đây là số của ông Q. Vì khi truy cập vào tài khoản Zalo của số điện thoại mà P cho thấy hiện lên hình ông Q, nên chị H càng tin

tưởng những thông tin mà P đưa ra là đúng sự thật. Đến ngày 14/6/2016, P tiếp tục yêu cầu chị H đưa thêm cho P số tiền 70.000.000 đồng thì chị H đồng ý và giao cho P 70.000.000 đồng tại quán cà phê Góc Phố, thị xã G. Đến ngày 15/6/2016, P gọi điện thoại cho chị H nói là việc của chị H gần xong, chỉ còn vướng ông T trong Ban giám đốc gây khó dễ nên phải chuyển cho ông T 20.000.000 đồng, tài khoản 5200205744949 mang tên Phạm Thanh T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk và hẹn đến ngày 17/6/2016 chị H sẽ có quyết định tuyển dụng. Chị H đồng ý chuyển vào số tài khoản này số tiền 20.000.000 đồng. Thực chất đây là số tài khoản thẻ ATM của anh Phạm Thanh T (SN: 1982, trú tại: số 4, đường Phùng Hưng, phường E, TP. T, tỉnh Đắk Lắk, là anh họ của P) cho P mượn. Khi cho mượn thì anh T không biết P dùng vào mục đích phạm tội. Sau khi chị H chuyển tiền vào tài khoản xong thì P rút hết số tiền này. Sáng ngày 16/6/2016, P bắt xe khách xuống gần nhà chị H và hẹn chị H đi ăn sáng. Sau khi ăn sáng xong, P nói với chị H rằng ông Q bảo P xuống gặp chị H lấy thêm 70.000.000đ để lo cho xong việc. Chị H đồng ý đưa thêm cho P 70.000.000đ tại quán ăn sáng thuộc thôn 3, xã N. Sau khi nhận toàn bộ số tiền trên từ chị H, P đã dùng 42.700.000 đồng mua 01 chiếc xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 và nhờ anh Phạm Văn M đứng tên, để làm phương tiện đi lại. Đến ngày hẹn không thấy P đưa quyết định tuyển dụng cho mình nên chị H tìm hiểu và liên hệ đến số điện thoại thật của ông Q thì biết mình đã bị P lừa nên đã làm đơn tố cáo đến cơ quan điều tra.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Đắk R'lấp thì: trị giá 01 ĐTDĐ Iphone 6 Plus tại thời điểm bị chiếm đoạt là 20.590.000 đồng.

Tổng trị giá tiền và tài sản mà Nguyễn Thị P chiếm đoạt của chị Trần Thị Kim H là 245.590.000 đồng.

Cũng vào thời gian này, sau nhiều lần về thăm gia đình tại xã N, huyện Đ thì chị Bùi Thị Thu T là giáo viên đang công tác tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện B, tỉnh Bến Tre biết chị Trần Thị Kim H đang nhờ Nguyễn Thị P xin việc vào làm tại UBND tỉnh Đắk Nông nên chị T có đặt vấn đề nhờ chị H nói với P xin chuyển công tác cho mình từ tỉnh B về Đắk Nông để gần gia đình. Chị H đồng ý, đến ngày 15/6/2016 khi P đến nhà chị H để nhận tiền xin việc cho chị H thì chị H có trao đổi với P "Chị có con em bà con đang dạy ở Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện B, tỉnh Bến Tre đang muốn xin chuyển về dạy tại thị xã G, Đắk Nông cho gần nhà, em xem giúp nó với", nghe vậy P đồng ý và nói dối chị H là "để P về trao đổi với chú" (tức chú Q). Sau khi nhận tiền xin việc cho chị H xong, trên đường về Đắk Lắk, P điện thoại cho chị H nói dối sẽ xin việc cho chị T về dạy tại trường THPT Chu Văn An thị xã G với chi phí

200.000.000 đồng và nói T chuẩn bị hồ sơ và tiền đưa cho P, nghe vậy chị H điện thoại báo cho chị T biết về việc trên. Ngày 16/6/2016 P nhắn tin cho chị H nói ngày 17/6/2016 gặp chị T tại quán cà phê Góc Phố, thị xã G để lấy tiền và nhận hồ sơ của chị T. Nghe vậy thì chị H đồng ý và nói lại với T. Sáng ngày 17/6/2016 theo lời hẹn chị T và chị H gặp P tại quán cà phê Góc Phố ở Thị xã G. Tại đây P lấy tên giả là V và nói với chị T, chị H "chú bận việc, V ra nhận tiền cho chú" rồi yêu cầu chị T đưa hồ sơ cho mình xem, sau khi xem qua P nói "để V chuyển lại cho chú" lúc này chị T lấy 200.000.000 đồng đưa cho P, P nhận tiền và viết giấy nhận tiền đưa cho chị T sau đó P đi về nhà tại thôn 6, xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 20/6/2016 chị H và chị T phát hiện ra sự việc đã bị Nguyễn Thị P lừa xin việc lấy tiền nên đã làm đơn tố cáo đến cơ quan công an.

Ngoài các hành vi nêu trên thì Nguyễn Thị P còn thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác trên địa bàn huyện M, tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau: Vào khoảng thời gian tháng 5 năm 2015 thông qua mạng xã hội Zalo, Nguyễn Thị P quen biết với anh Bùi Thanh S (SN: 1989, HKTT: TT E, C, Đắk Nông) công tác tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M. P tự giới thiệu tên là Nguyễn Khánh L, đang công tác tại khoa sản Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk. Anh S cũng giới thiệu nhà ở huyện C, đang làm trong ngành ngân hàng tại huyện M, anh Sơn nói cho P biết nguyện vọng được chuyển công tác về huyện C cho gần nhà. Khi biết được anh S có nhu cầu xin chuyển vị trí công tác, P nảy sinh ý định lừa anh S để chiếm đoạt tiền. P đưa ra thông tin giả mạo là có người chú đang là Giám đốc ngân hàng Agribank Đắk Lắk có thể xin chuyển công tác được cho S. Sau thời gian 15 ngày làm quen, P nói với S rằng chú đi công tác và yêu cầu S chuyển số tiền 25.000.000 đồng để P nhờ chú đi quan hệ xin chuyển công tác theo nguyện vọng của S. Tại thời điểm này do anh S không có tiền nên P nói sẽ cho anh S mượn tiền để đưa cho chú đi lo việc trước, khi nào anh S có tiền sẽ trả lại cho P, nghe P nói vậy anh S đã tin tưởng và đồng ý. Khoảng 3 ngày sau, P đưa ra thông tin giả là con của chị gái đang mổ tại bệnh viện nên cần tiền và yêu cầu anh S trả số tiền 25.000.000 đồng. P yêu cầu anh S chuyển tiền vào số tài khoản 5212205062830 mang tên Nguyễn Thị P được mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Lầm tưởng là P đã cho mình mượn tiền để lo giúp chuyển công tác nên anh S đã 06 lần chuyển vào tài khoản ngân hàng cho P với tổng số tiền 25.000.000 đồng để trả nợ. Những ngày sau đó, P tiếp tục đưa ra thông tin không có thật liên quan đến vấn đề xin chuyển công tác của anh S và yêu cầu anh S chuyển thêm 05 lần tiền vào số tài khoản của P với tổng tiền là 21.000.000 đồng. Đồng thời, P còn yêu cầu anh S nhiều lần nạp card điện thoại

với tổng số tiền 4.000.000 đồng, gồm nhiều mệnh giá khác nhau để P liên lạc xin chuyển công tác cho anh S. Như vậy tổng trị giá tài sản mà P đã chiếm đoạt của anh Bùi Thanh S là 50.000.000 đồng.

Vậy, tổng trị giá tiền và tài sản mà Nguyễn Thị P chiếm đoạt được của chị Trần Thị Kim H, chị Bùi Thị Thu T và anh Bùi Thanh S là 495.590.000 đồng *(Bốn trăm chín mươi lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).*

Về vật chứng thu giữ:

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT công an huyện Đắk R'lấp đã thu giữ vật chứng vụ án gồm: 01 ĐTDĐ Iphone 6 Plus; 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Phạm Thanh T; 01 xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 và số tiền 100.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị H mẹ của P giao nộp, đây là số tiền mà P đã gửi cho bà H sau khi chiếm đoạt tiền của chị H và chị T (hiện không xác định trong số tiền này của chị T bao nhiêu, của chị H bao nhiêu).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản đối với 01 xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77; 01 ĐTDĐ Iphone 6 Plus. Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đắk R'Lấp kết luận giá trị quy thành tiền đối với 01 xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 là 37.800.000 đồng, giá trị quy thành tiền của 01 ĐTDĐ Iphone 6 Plus là 20.590.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 13/Ctr - VKS ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông để xét xử bị cáo Nguyễn Thị P về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông truy tố bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng, không oan.

Sau khi phân tích các chứng cứ buộc tôi và các tình tiết tăng nặng, giam nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm m, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị P từ 09 năm đến 11 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Các biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐăkRlấp về việc trao trả lại 01 ĐTDĐ Iphone 6 Plus có giá trị là 20.590.000 đồng và số tiền 100.000.000 đồng cho chị H và Chị T là người bị hại của vụ án;

- Tuyên trả lại cho anh Phạm Thanh T 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank mang tên Phạm Thanh T là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 là tài sản do phạm tội mà có theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do chiếc xe này quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐăkRlấp đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H không phù hợp theo quy định của pháp luật dẫn đến chị H đã bán chiếc xe này với giá là 25.000.000 đồng, chị H chấp nhận sẽ giao nộp lại số tiền này theo phán quyết của Tòa án nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 25.000.000 đồng này là phù hợp;

Đề nghị ghi nhận bà Nguyễn Thị H là mẹ của bị cáo phấn đã tự nguyện khắc phục hậu quả thay bị cáo P cho người bị hại là chị H và chị T số tiền số tiền 20.000.000 đồng để khấu trừ vào số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị P không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đăk R'Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Mặc dù vậy nhưng quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã có sai sót trong việc ra quyết định xử lý vật chứng đối với chiếc xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 là tài sản do phạm tội có nhưng đã trả lại cho ngươi bị hại là không phù hợp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên sau khi phát hiện sai sót, Thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định hủy bỏ quyết định xử lý vật chứng nêu trên. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã công bố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: bị cáo Nguyễn Thị P là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, bản thân bị cáo nhận thức rỏ mình không thể xin việc cho người khác nhưng vì mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu sài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của một số người đang mong muốn có việc làm tại các trường học, cơ quan nhà nước nên bị cáo đã tiếp cận và đưa ra thông tin gian dối nhằm chứng tỏ mình là người có khả năng xin được việc để người có nhu cầu xin việc làm tin tưởng giao tiền cho bị cáo. Vì vậy trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến ngày 17/6/2016 trên địa bàn huyện M, huyện Đ và thị xã G, bị cáo đã dễ dàng thực hiện trót lọt 03 vụ lừa đảo liên quan đến xin việc làm và đã chiếm đoạt tài sản của 03 người với tổng số tiền là 495.590.000 đồng. cụ thể chiếm đoạt của anh Bùi Thanh S 50.000.000 đồng, chị Trần Thị Kim H 245.590.000 đồng và chị Bùi Thị Thu T 200.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 như quyết định truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. "Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.

....."

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng tới tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo

nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[4]. *Tình tiết định khung hình phạt:* Hành vi của bị cáo đã chiếm đoạt của chị , chị T và anh S tổng số tiền và tài sản là 495.590.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5]. *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt:* Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết dung thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không phù hợp nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, hành vi của bị cáo thực hiện tội phạm từ năm 2016 và theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định tình tiết tăng nặng là dùng thủ đoạn tinh vi như quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Mặc khác hành vi của bị cáo đưa ra thông tin gian dối để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là dấu hiệu cơ bản trong mặt khách quan của tội phạm lừa đảo và thông tin mà bị cáo đưa ra rất đơn giản nếu người bị hại thận trọng hơn có sự kiểm tra thông tin thì bị cáo không thể dễ dàng thực hiện trót lọt số tiền gần 500 triệu đồng như vậy, đây cũng do một phần lỗi thiếu cảnh giác và nhẹ dạ cả tin của người bị hại.

[6]. *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:* Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[7]. *Các biện pháp tư pháp:*

- *Về vật chứng vụ án*: Trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã thu giữ số tiền 100.000.000đ do bà Nguyễn Thị H, mẹ bị cáo giao nộp, đây là số tiền mà bị cáo P đã gửi cho bà H sau khi chiếm đoạt tiền của chị H và chị T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp ra quyết định trả lại số tiền nêu trên cho chị H, chị T là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 bị cáo dùng số tiền chiếm đoạt của chị H để mua sau đó nhờ anh Phạm Văn M đứng tên, vấn đề này anh M thừa nhận là xe của bị cáo nhờ anh đứng tên. Do vậy theo quy định của pháp luật thì chiếc xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 này là tài sản do phạm tội mà có nên cần phải tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước là phù hợp. Tuy nhiên, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã có sai sót trong việc ra quyết định xử lý vật chứng đối với chiếc xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 trả lại cho ngươi bị hại là chị H dẫn đến sau khi nhận xe chị H đã bán chiếc xe này cho một người khác không rỏ địa chỉ với số tiền là

25.000.000 đồng, hiện nay chị H đang giữ số tiền này và chấp nhận sẽ giao nộp lại số tiền này theo phán quyết của Tòa án, không có ý kiến khiếu nại gì. Vì vậy cần tuyên tịch tịch thu số tiền 25.000.000 đồng do bán chiếc xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 là tài sản do phạm tội có để sung công quỹ nhà nước là phù hợp;

Đối với 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank mang tên Phạm Thanh T, bị cáo mượn của anh T để sử dụng mục đích cá nhân nhưng bị cáo đã sử dụng thẻ này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, vấn đề này anh T không biết nên cần tuyên trả lại cho anh Phạm Thanh T là phù hợp.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị H là mẹ của bị cáo phấn đã tự nguyện khắc phục hậu quả thay bị cáo P cho người bị hại là chị H và chị T số tiền số tiền 20.000.000 đồng nên cần ghi nhận để khấu trừ vào số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là phù hợp. Chị H xác định đã nhận được một phần tài sản bị chiếm đoạt từ cơ quan cảnh sát điều tra trao trả là 62.090.000 đồng, chị T đã nhận số tiền 78.500.000 đồng. Người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại mà chỉ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt của người bị hại mà cơ quan điều tra chưa thu hồi được, cụ thể trả lại cho anh Bùi Thanh S 50.000.000 đồng; chị Trần Thị Kim H 183.500.000 đồng (245.590.000 đồng – số tiền đã nhận 62.090.000 đồng) và chị Bùi Thị Thu T 121.500.000 đồng (200.000.000 đồng – số tiền đã nhận là 78.500.000 đồng) là phù hợp.

[8]. *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Thị P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 08 *(Tám)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01/8/2017), được khấu trừ những ngày đã tạm giữ từ ngày 03/7/2016 đến ngày 12/7/2016.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 41; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

2.1. Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐăkRlấp trao trả 01 ĐTDĐ Iphone 6 Plus và số tiền 100.000.000 đồng cho chị H và Chị T là chủ sở hữu hợp pháp.

2.2. Trả lại cho anh Phạm Thanh T 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank mang tên Phạm Thanh T là chủ sở hữu hợp pháp.

2.3. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 25.000.000 đồng là tiền bán xe mô tô HonDa Lead, BKS: 47B2 – 030.77 là tài sản do phạm tội có. Chị Trần Thị Kim H đang giữ số tiền này phải có nghĩa vụ giao nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

2.4. Buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho anh Bùi Thanh S 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)*; chị Trần Thị Kim H 183.500.000 đồng *(một trăm tám mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng)* và chị Bùi Thị Thu T 121.500.000 đồng *(một trăm hai mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng)*.

Áp dụng Điều 357Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày tròn, kể từ ngày tuyên án; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- CA huyện Đắk R'lấp;
- THADS huyện Đắk R'lấp;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HS,VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Anh Ửng